

BA MƯƠI NĂM NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO: NHỮNG THÀNH TỰU

TRẦN CÔNG HÀM*

NGUYỄN HÀO HÙNG**

Cách đây ba mươi năm, trải qua một chặng đường đấu tranh bền bỉ, đầy hi sinh, gian khổ, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương và tiếp đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, nhân dân các bộ tộc Lào đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc một cách vẻ vang và đầy sáng tạo, lập nên nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (2-12-1975), mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển và tiến bộ xã hội trên đất nước Lào anh em.

Thành tựu về quốc phòng – an ninh

Cách mạng còn đang trúng nước thì ngay lập tức, các thế lực đế quốc và bọn phản động bên trong đã cay cú tiến hành phản kích ở tất cả mọi nơi: nội địa, rừng núi, đồng bằng, đô thị và biên giới... Vì vậy, nhiệm vụ quốc phòng – an ninh đã nổi lên cấp bách hàng đầu.

Ngay sau ngày 2-12-1975, tiếng súng đã nổ ở nhiều nơi, đường giao thông đã bị cắt trên nhiều đoạn. Vùng núi Xiêng Khoảng, bắc Viêng Chăn, nam Luông Pha Bang (địa bàn của quân khu II Vang Pao) hầu như bị phủ khống chế. CIA hí hửng thực hiện cái đánh giá là: “Cho đến khi Pa thét Lào có giải phóng được toàn quốc - điều khó có thể xảy ra thì lực lượng Mẹo vẫn cứ tồn tại và họ hoạt động dưới sự chỉ đạo và nuôi dưỡng của Mĩ”⁽¹⁾. Ở Xa Ván Na Khét, trục đường 9 từ Việt Nam sang gần như bị cắt đứt ở nhiều đoạn, cán bộ đi lại phải dùng xe bọc thép, nhiều thành phố, thị xã như Luông Pha Bang, Pạc Xê... bị địch khống chế.

Trước âm mưu và hành động chiến tranh quyết liệt đó, được sự chi viện kịp thời của quân Tình nguyện Việt Nam, quân và dân Lào đã ngăn chặn kịp thời và phá tan, đập nát các vụ bạo loạn,

* Trần Công Hàm, Đại tá, nguyên Tùy viên quân sự Việt Nam tại CHDCND Lào.

** ThS. Nguyễn Hào Hùng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

chiến đấu ngoan cường dũng cảm ở các vùng núi Phu Bia, Xiêng Khoảng, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều tên địch, thu nhiều vũ khí và phương tiện thông tin hiện đại, giải phóng hàng chục ngàn dân, khôi phục toàn bộ địa bàn bị địch khống chế, thành lập các vùng định cư mới cho nhân dân mới giải phóng lại. Ở hướng đường số 9 đã phá tan các bàn đạp, các hang ổ của bọn tàn quân, lưu vong, phản động địa phương, khôi phục tuyến giao thông chiến lược Đà Nẵng – Viêng Chăn, giải toả được sự khống chế trong dân, tạo điều kiện đưa Xa Văn Na Khét trở thành nơi điển hình về khôi phục và phát triển kinh tế hàng đầu của đất nước...

Bị thất bại trong mưu đồ gây rối, bạo loạn hòng lật đổ chính quyền cách mạng, các thế lực thù địch chuyển sang dùng quân đội nước ngoài kết hợp với bọn người Lào phản động lưu vong tiến công lấn chiếm biên giới phía tây một cách dai dẳng trong nhiều năm. Đến cuối tháng 2-1988, sau thất bại nặng nề ở Bò Tèn (Xay Nha Bu Ly), chúng mới chịu chấm dứt thủ đoạn chiến lược này và chuyển sang thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” thâm lặng mà nham hiểm, hết sức nguy hại theo kiểu “mối xông nhà”. Với chiến thắng Bò Tèn, một bước ngoặt trong quan hệ Lào – Thái được mở ra, đưa quan hệ hai nước chuyển từ đối đầu sang hữu nghị, láng giềng và hợp tác.

Tuy vậy, nhân dân các bộ tộc Lào vẫn không ngừng nêu cao cảnh giác cách mạng, bình tĩnh, thận trọng đối phó thắng lợi với mọi thủ đoạn xảo quyết

của kẻ thù trên mọi trận tuyến. Quán triệt sâu rộng nghị quyết 51 của Bộ Chính trị Đảng NDCM Lào (1981), công tác xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng nhân dân, xây dựng mạng lưới an ninh cơ sở được triển khai đều khắp. Hệ thống chính quyền các cấp được thành lập đồng bộ, các tổ chức chính trị, xã hội và lực lượng quốc phòng - an ninh từ Trung ương đến địa phương, cơ sở ngày càng được kiện toàn theo phương châm lấy chất lượng làm chính. Đây là một quyết sách rất đúng đắn, kịp thời và nét cống hiến đặc sắc của Lào là gắn kết được ba mặt chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng, hình thành các vùng kinh tế – kỹ thuật ở những nơi trọng điểm, nổi bật nhất là ở các vùng dân tộc xung yếu.

Đi đôi với những hoạt động giải quyết tình thế, CHDCND Lào đã tăng cường củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân theo phương châm lấy chất lượng làm chính, số lượng thích hợp với hoàn cảnh đất nước. Bộ đội chủ lực đã có quy mô Sư đoàn bộ binh và các Trung đoàn binh, quân chủng (máy bay, pháo binh, tên lửa, đặc công...). Bộ đội địa phương có quy mô tiểu đoàn ở cấp tỉnh và đại đội ở cấp huyện, những địa phương xung yếu ở biên giới có khi cấp huyện cũng có tới hai đại đội. Lực lượng công an, cảnh sát được xây dựng tốt đủ sức hoàn thành nhiệm vụ ở nội địa, biên giới, cửa khẩu. An ninh đã kịp thời phát hiện và đập tan các vụ xâm nhập từ ngoài vào và âm mưu gây bạo loạn, bảo đảm trật tự an toàn an ninh cho các cơ quan lãnh đạo, các đoàn khách quốc tế, nhất là các hội nghị quốc tế liên tục ở

thủ đô Viêng Chăn trong những năm gần đây và hiện nay, được thế giới khen ngợi đánh giá cao. Chính quyền các cấp thường xuyên chăm lo giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân, giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Lào, đẩy lùi các tệ nạn xã hội phương Tây chớm phát sinh, tạo lập được một không khí hiền hoà, đôn hậu, mến khách vốn có của dân tộc Lào được bạn bè quốc tế ca ngợi. Có thể nói: thắng lợi nổi bật nhất trong 30 năm qua là thành tựu về quốc phòng – an ninh, về bảo vệ chế độ mới, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một cách vững chắc, bảo đảm giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống lao động hoà bình của nhân dân các bộ tộc Lào.

Thành tựu về phát triển kinh tế – xã hội

Sau ngày nước CHDCND Lào ra đời, nhân dân các bộ tộc Lào đã hăng hái bắt tay ngay vào xây dựng cuộc sống mới. Tuy nhiên, Nhà nước Lào non trẻ và Đảng NDCM Lào đứng trước vô vàn thử thách, trong đó khó khăn lớn nhất là việc quản lý, điều hành đất nước, tiến hành xây dựng một xã hội mới nhưng thiếu cán bộ có kinh nghiệm quản lý và điều hành công việc. Đảng NDCM Lào đã lãnh đạo toàn dân kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Bên cạnh làm tốt công tác quốc phòng, an ninh, Đảng đã vận động toàn dân tích cực tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội.

Từ một nền kinh tế còn rất lạc hậu, trình độ văn hoá của nhân dân còn hết sức thấp kém, cơ sở vật chất hầu như không có gì, ngân khố trống rỗng, hậu quả chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại rất nặng nề, đời sống nhân dân có nhiều khó khăn, thiên tai lại xảy ra liên tiếp mà trong vòng ba chục năm qua, dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng NDCM Lào, nhất là từ Đại hội IV (1986), công cuộc đổi mới toàn diện được triển khai đã đem lại những đổi thay chưa từng thấy trên đất Lào.

Đổi mới ở Lào được bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế với hai nội dung cơ bản: điều chỉnh cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Việc xác định lấy nông - lâm nghiệp làm nhiệm vụ hàng đầu trong một cơ cấu nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ đã trở thành cơ sở hoạch định những mục tiêu chính của các kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm lần thứ hai (1986-1990) và lần thứ ba (1991-1995). Trong giai đoạn này, Lào phấn đấu đạt tăng trưởng GDP bình quân 7-8%/năm, tỉ lệ đói nghèo giảm từ 45% xuống 39% trong dân cư⁽²⁾. Từ Đại hội VI (1996-2000), Đảng NDCM Lào bắt đầu đề ra kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn, trên cơ sở đó xác định 8 chương trình ưu tiên quốc gia trong kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1996-2000) trong đó có 3 chương trình quan trọng: Chương trình sản xuất lương thực; Chương trình sản xuất hàng hoá; Chương trình giảm dần phá rừng làm nương rẫy và định canh định cư.

Quốc hội Lào khoá IV, kì họp thứ 8 (tháng 9/2001) đã thông qua chiến lược phát triển kinh tế – xã hội dài hạn đến

năm 2020, đưa nước Lào thoát khỏi tình trạng chậm phát triển, theo đó chỉ tiêu GDP bình quân đầu người là 1200 – 1500 USD/năm, dân số đạt 8,3 triệu người, tăng trung bình 2,2%/năm, tuổi thọ bình quân 70 tuổi, tỉ lệ người biết chữ ở độ tuổi 15 trở lên đạt 90%. Chỉ tiêu cho năm 2010 là: GDP tăng trung bình không dưới 7%/năm, bình quân đầu người 700-800 USD/năm; dân số 6,7 triệu, tăng trung bình 2,4%/năm, tuổi thọ bình quân 67 tuổi, tỉ lệ người biết chữ ở độ tuổi 15 trở lên đạt 84%⁽³⁾.

Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 (từ tháng 3-2002 đến tháng 3-2004) đã đề ra phương hướng chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá và biến Lào thành trung tâm dịch vụ quá cảnh tiểu khu vực, khẩn trương thực hiện các chính sách và giải pháp về sản xuất hàng hoá và giải quyết khó khăn về tài chính-ngân sách.

Kỳ họp thứ 3,4,5 Quốc hội Lào khoá V (4-2002 đến 4-2004) đã thông qua Hiến pháp sửa đổi (Hiến pháp 1991), khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, làm rõ hơn chức năng và mối quan hệ giữa Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội. Kỳ họp này cũng thông qua các luật Quốc hội và luật Chính phủ sửa đổi. Tháng 10-2003, Quốc hội Lào lại thông qua luật hành chính địa phương, phân quyền cho cấp tỉnh có nhiều cơ hội hơn trong việc sử dụng tài nguyên và lao động để tăng năng lực sản xuất hàng hoá.

Nhờ đường lối đúng đắn và bước đi thích hợp nhằm phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở

hữu theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài, mở rộng hợp tác quốc tế một cách đa dạng, nền kinh tế Lào bước vào thời kì khởi sắc: giai đoạn 1991-1996, GDP tăng trung bình 6,4%/năm; giai đoạn 1997-2002 do tác động của khủng hoảng kinh tế khu vực, tuy tốc độ tăng GDP không đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn ở mức cao so với nhiều nước trong khu vực, bình quân khoảng 6%/năm. Riêng năm 2004, Lào đạt mức tăng trưởng 6,7% nhờ đầu tư tư nhân và xuất khẩu tăng cũng như sự phục hồi của ngành du lịch.

Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỉ trọng nông – lâm nghiệp từ 61,2% năm 1990 giảm xuống còn 50,3% vào năm 2002, công nghiệp tăng từ 14,5% lên 23,5%, dịch vụ tăng từ 24,3% lên 26,2%. Nhờ chính sách điều hành kinh tế vĩ mô đúng đắn, chính phủ Lào thu được kết quả khả quan trong việc kiềm chế lạm phát: tài khoá 1998-1999 lạm phát ở mức 60%, đến năm 2000-2001 còn khoảng 10% và tài khoá 2001-2002 là 9%. Tuy nhiên, tỉ lệ khống chế lạm phát ở Lào còn khá bấp bênh do thị trường nội địa chịu nhiều sức ép của giá nhập khẩu từ bên ngoài.

Kể từ khi CHDCND Lào ban hành luật đầu tư nước ngoài vào năm 1988 đến nay, trải qua hai lần sửa đổi, đã có khoảng 800 dự án với tổng số vốn trên 7 tỉ USD đầu tư nước ngoài vào Lào. Nếu tính cả các dự án viện trợ không hoàn lại thì đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng tương đối cao, khoảng 40-45% đầu tư

toàn xã hội. Tuy nhiên, đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào những ngành có khả năng thu hồi vốn nhanh, hoặc khai thác tài nguyên để xuất khẩu, tỉ trọng vốn đầu tư cho lĩnh vực sản xuất lại rất thấp và đều là những dự án nhỏ, cụ thể: thủy điện 64,24%, viễn thông 9,1%, khách sạn và dịch vụ 8,56%, chế biến gỗ 2,39%, công nghiệp và thủ công nghiệp 6,75%, nông nghiệp 1,86% tổng số vốn đầu tư⁽⁴⁾. Sau thời gian khủng hoảng kinh tế tài chính khu vực (1997-1998), FDI có xu hướng giảm sút liên tục (1996: 176 triệu USD, 1999: 99 triệu USD, 2001: 42 triệu USD), đến nay đã tăng trở lại: năm 2002 đạt 474,4 triệu USD, gấp hơn 11 lần năm trước là một dấu hiệu đáng mừng. Để tăng thêm hấp dẫn cho đầu tư trong nước và nước ngoài, năm 2003 chính phủ đã sửa đổi một số qui định, tạo điều kiện phân cấp cho đầu tư: cấp tỉnh được cấp phép cho các chủ đầu tư tới 1 triệu USD, một số tỉnh lớn được quyền cấp phép đầu tư lên đến 2 triệu USD⁽⁵⁾.

Sản xuất công nghiệp còn đang non trẻ, các ngành công nghiệp chủ yếu hiện nay là thủy điện, khai thác và chế biến gỗ. Công nghiệp điện lực là ngành mới phát triển với tổng công suất khoảng 625 Mw đem lại nguồn thu cho đất nước trên 40 triệu USD/năm. Nhờ phát triển mạng lưới điện từ Luông Pha Bang đến Xay Nha Bu Ly, từ thủy điện sông Lớt đến Xiêng Khoảng... nên nhiều tỉnh đã có điện sử dụng thường xuyên, đây là bước tiến lịch sử đối với đất nước Lào. Hiện nay Lào đang hi vọng thúc đẩy dự án xây nhà máy thủy điện Nậm Thôn II ở huyện Na Cai, tỉnh Khăm Muộn, có

công suất 1.070 Mw để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng và dành một phần cho tiêu dùng nội địa.

Sản xuất nông nghiệp gần đây đã có bước phát triển đột khởi do được Nhà nước đầu tư lớn, nhất là về thủy lợi, nhằm thực hiện chiến lược bảo đảm an ninh lương thực. Sản lượng thóc năm 1999 đạt 2 triệu tấn, năm 2002 đạt 2,4 triệu tấn, bình quân đầu người đạt 420 kg/năm. Đây là một thành tựu nổi bật vì kể từ năm 1999, Lào đã tự túc được lương thực, có phần dự trữ và xuất khẩu. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng chuyển từ phát triển cây con có giá trị thu nhập thấp sang cây con có giá trị thu nhập cao hơn. Cơ cấu mùa vụ có sự chuyển biến tích cực: năm 2003, diện tích vụ chiêm đạt khoảng 814.000 ha, diện tích hoa màu 278.900 ha, diện tích rẫy 126.600 ha, diện tích trồng cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày như cà phê, chè, sa nhân, thuốc lá, mía, lạc, vừng... đều tăng. Đặc biệt, đã xuất hiện một số mặt hàng nông sản có giá trị kinh tế cao như chè xanh ở Phong Xa Ly và Xay Nha Bu Ly; cao su ở Luông Nậm Thà; các loại cây lấy tinh dầu ở Bo Ly Khăm Xay, gừng đen ở Xay Nha Bu Ly, hồ tiêu ở Sa La Văn và Sê Kông. Ngành chăn nuôi cũng được chú ý phát triển: năm 2003 đàn trâu có khoảng 1,1 triệu con, đàn bò khoảng 1,24 triệu con, lợn trên 1,65 triệu con, dê, cừu 136.500 con, đàn gia cầm khoảng trên 19,5 triệu con... Mô hình kinh tế trang trại đã bước đầu phát triển tại một số tỉnh, như nuôi lợn, gia cầm và thủy sản tại thủ đô Viêng Chăn và các tỉnh Viêng Chăn,

Khăm Muộn, Luông Pha Bang, Xa Văn Na Khét, Chăm Pa Sác... Các trang trại này đã đang trở thành các trung tâm cung cấp giống gia súc, gia cầm cho các hộ nông dân trong vùng, nhờ vậy tỉ lệ chăn nuôi tự nhiên tiếp tục giảm tại hầu hết các địa phương.

Hoạt động thương mại của Lào chủ yếu nằm trong tay tư nhân, Nhà nước chỉ quản lý ngành xăng dầu. Điều này có mặt tích cực là kích thích buôn bán phát triển nhưng Nhà nước không điều tiết được thị trường và giá cả, nhất là khi có những biến động lớn, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống xã hội. Thương mại Lào do gắn với nền sản xuất nhỏ, tự nhiên, thiếu các sản phẩm cạnh tranh nên đã hạn chế việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng bán hàng và thiếu uy lực so với các nước có hệ thống thương mại phát triển. Đây là nguyên nhân cơ bản của tình trạng mất cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu của Lào: năm 1996 xuất khẩu 325,9 triệu USD trong khi nhập khẩu là 689,6 triệu USD; năm 1998 xuất 383 triệu USD, nhập 598,9 triệu USD; năm 2003 xuất đạt 351 triệu USD, nhập 556 triệu USD. Xuất khẩu của Lào tập trung chủ yếu vào một số ngành hàng sản xuất. Điều đáng chú ý năm 2002 may mặc chiếm 33,6% tổng giá trị xuất khẩu, điện chiếm 33,3%, gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 20,6%, cà phê chiếm 5,5%. Tuy nhiên, kể từ năm 2003 trở đi, các sản phẩm mỏ (vàng và đồng) đã trở thành một trong những sản phẩm chủ lực mới đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu của Lào. Riêng xuất khẩu vàng trong nửa đầu năm 2003 đã đạt khoảng 28 triệu USD⁽⁶⁾.

Là một đất nước của lễ hội với nhiều di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng như hai di sản thế giới là cố đô Luông Pha Bang và thánh địa Vát Phu, Thạt Luổng (Viêng Chăn), căn cứ địa Viêng Xay (Hủa Phăn), cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng)... du lịch đã trở thành một ngành dịch vụ có vị trí quan trọng được chính phủ quan tâm phát triển với các loại hình du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm. Năm 2003 được phát động là năm du lịch Lào bất chấp những ảnh hưởng bất lợi của cuộc chiến ở Iraq và dịch SARS.

Đi đôi với sự phát triển kinh tế, Nhà nước còn đẩy mạnh các hoạt động xã hội. Về giáo dục đào tạo, Lào tập trung phát triển giáo dục cấp 1 trên phạm vi cả nước, đặc biệt chú ý tới vùng sâu, vùng xa. Trong năm học 2002-2003, số học sinh cấp 1 đến trường đạt 100%, số học sinh cấp 2 và cấp 3 tăng 10,3%. Cũng trong năm 2003, ngành giáo dục đã tập trung xây dựng các trường kiên cố tại một số huyện lớn và các trường kiên cố và bán kiên cố tại các huyện vùng sâu, vùng xa; đồng thời bắt đầu triển khai xây dựng dự án đầu tư 700 trường phổ thông do chính phủ Nhật Bản tài trợ vốn. Đứng trước đòi hỏi cần nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng công cuộc đổi mới, công tác đào tạo nghề, đại học và cao đẳng cũng được phát triển. Năm học 2002-2003 đã mở thêm chi nhánh Trường Đại học Quốc gia tại tỉnh Chăm Pa Sác, mở Trường kỹ thuật dạy nghề mới tại tỉnh Bo Ly Khăm Xay, củng cố Trường dạy nghề tại tỉnh Khăm Muộn và Trường kỹ thuật dạy nghề Pắc Xê...

Về lao động và việc làm, trong năm 2003, Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung một số điều trong luật lao động và ban hành sắc lệnh công nhân viên chức, luật tổ chức Quỹ cứu trợ xã hội và Quỹ bảo hiểm xã hội, giải quyết việc làm mới cho 87.000 lao động, đặc biệt công tác xuất khẩu lao động được quan tâm hơn trước. Công tác xoá đói giảm nghèo có nhiều tiến bộ đáng kể. Trong năm 2003, đã giảm được xấp xỉ 25.000 hộ nghèo, đồng thời xoá bỏ được 6.200 ha trồng cây thuốc phiện và giảm 19.100 ha diện tích trồng lúa nương. Nhà nước đã đầu tư có trọng điểm cho các trung tâm kinh tế - văn hoá khu vực, hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hoá và dịch vụ, ổn định đời sống, định canh định cư tại một số địa phương như Nậm Kha (huyện Hun, tỉnh U Đôm Xay), Nôn Hay, Bản Vàng (huyện Xa Na Kham, tỉnh Viêng Chăn), Bản Nòng Té (tỉnh Chăm Pa Sác), Huổi Ngùn (tỉnh Sa La Văn), Xay Xăm Phăn (huyện Chăm Phon, tỉnh Xa Văn Na Khét) và Phu Lản (huyện Xiêng Hon, tỉnh Xay Nha Bu Ly). Ngành y tế tập trung đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân theo phương châm phòng bệnh là chính và chữa bệnh là quan trọng, để mọi người dân có sức khoẻ tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngành y tế đã sửa đổi bổ sung Quyết định 52 của Thủ tướng chính phủ về chế độ điều trị miễn phí cho người nghèo và chế độ viện phí. Xây dựng quỹ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, nhằm củng cố dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cho người có thu nhập thấp và củng cố hệ thống bệnh viện. Một thành tựu đáng ghi nhận của ngành y tế Lào

là duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt trẻ em, đẩy mạnh công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi đối với các bệnh bạch hầu, ho gà, sởi, uốn ván, lao... Các lĩnh vực công tác xã hội khác như: chính sách chăm sóc người có công và gia đình thương binh liệt sĩ, chính sách nuôi dưỡng trẻ mồ côi không nơi nương tựa, cứu trợ người nghèo, người tàn tật, hỗ trợ thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, phòng chống ma tuý... đều được Nhà nước quan tâm đúng mức, góp phần giúp nhân dân phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

Cùng với quá trình đổi mới, kinh tế đối ngoại của Lào có tác động mạnh mẽ đến quá trình tăng trưởng và phát triển của xã hội. Vì thế ở Lào mở cửa và hợp tác là tiên đề quan trọng thúc đẩy thị trường phát triển, làm cho sản xuất được mở rộng. Phát huy vị thế địa-kinh tế, địa-chính trị của mình ở bán đảo Trung Ấn, Đảng và Nhà nước Lào đã xác định chủ trương chiến lược biến Lào thoát khỏi tình trạng đất nước không có đường ra biển, trở thành trung tâm dịch vụ quá cảnh của tiểu khu vực và của quốc tế ở cấp cơ sở, một đầu mối của hành lang liên kết kinh tế Đông-Tây, thông qua việc đẩy mạnh hội nhập vào tiểu vùng Mê Công để tranh thủ sự hợp tác của các tổ chức quốc tế như ADB, và các nước láng giềng trong tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS). Tham gia hợp tác tiểu vùng Mê Công mở rộng, Lào sẽ được hưởng lợi từ các chương trình ưu tiên của GMS trên các lĩnh vực giao thông, viễn thông, năng lượng và môi trường. Chương trình giao thông GMS tập trung vào việc xây dựng ba hành

lang kinh tế, trong đó có hai hành lang chạy qua Lào là hành lang kinh tế Bắc-Nam nối bắc Thái Lan, tây bắc Lào và tây nam Trung Quốc; hành lang kinh tế Đông-Tây nối miền trung Việt Nam ở phía đông với Mianma ở phía tây, cắt ngang nam Lào và miền bắc và đông bắc Thái Lan. Trong tương lai, các hành lang tăng trưởng hình thành sẽ biến miền bắc Lào và tỉnh Vân Nam Trung Quốc thành cửa ngõ sống còn giữa Trung Quốc và Đông Nam Á. Cũng vậy, Lào cũng đang đẩy mạnh kế hoạch xây dựng tam giác phát triển Lào - Campuchia - Việt Nam được Thủ tướng ba nước cam kết nhằm thúc đẩy sự liên kết và phồn vinh kinh tế của cả khu vực Đông Dương. Nhiều khu kinh tế của khẩu đang hoàn thành như Noọng Hét - Nậm Cắn, Đen Xa Vẳn - Lao Bảo, Cầu Treo - Napê, Ất Ta Pư - Bờ Y... nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội cho khu vực biên giới Lào - Việt Nam, gắn với các dự án giảm nghèo và nâng cao môi trường ở khu vực biên giới, đồng thời mở ra những cơ hội thúc đẩy liên kết kinh tế giữa Lào với các nước láng giềng trong khu vực. Đặc biệt, CHDCND Lào đã có một đội tàu viễn dương ở cảng Nghệ An (Việt Nam) đi quan hệ buôn bán với Nhật Bản và Xingapo với đội ngũ thuyền viên đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Tuy nhiên, trên con đường đi đến ấm no và hạnh phúc cho dân tộc mình, Đảng và Nhà nước Lào luôn nhận rõ những thách thức và cơ hội to lớn do hội nhập khu vực và quốc tế đem lại. Thách thức lớn nhất đối với Lào hiện nay là nguy cơ chậm phát triển và thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước

trong khu vực và quốc tế do năng lực sản xuất và cạnh tranh yếu của nền kinh tế Lào. Điều này càng đòi hỏi CHDCND Lào phải phát huy cao độ nội lực kết hợp với đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế.

Thành tựu về đối ngoại

30 năm qua, CHDCND Lào kiên trì theo đuổi đường lối đối ngoại hoà bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội của họ, trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới (1986) đến nay, Lào tiếp tục đẩy mạnh đa phương hoá và đa dạng hoá các mối quan hệ quốc tế, coi đây là trọng tâm của hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế. Đại hội Đảng VII (3-2001) khẳng định lại đường lối đối ngoại hoà bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác; chính sách hợp tác đa phương, đa dạng; tăng cường hợp tác mọi mặt với các nước bạn chiến lược XHCN trong đó nhấn mạnh: thắt chặt truyền thống đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam; quan hệ hợp tác toàn diện với Trung Quốc; mở rộng quan hệ hợp tác với các nước láng giềng; tích cực tham hoạt động trong hiệp hội các nước ASEAN mà Lào là thành viên chính thức từ tháng 7-1997, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế. Thời gian gần đây, Lào đã có nhiều đóng góp tích cực vào các hoạt động quốc tế và khu vực như tổ chức thành

công nhiều Hội nghị quốc tế như Hội nghị Bộ trưởng khu vực sông Mê Công-sông Hằng về hợp tác du lịch (10-11-2000), Hội nghị bàn tròn về tài trợ cho Lào lần thứ 7 (21-11-2000), Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN-EU (11-12-2000)... Quốc hội Lào đã phê chuẩn Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân, Hiệp ước cấm sử dụng vũ khí hạt nhân, và các loại vũ khí giết người hàng loạt. Lào còn tham gia tích cực vào các tổ chức hợp tác khu vực như ASEAN, ARF (Diễn đàn khu vực ASEAN), GMS (tiểu vùng Mê Công mở rộng), CLVDT (Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam), ACMECS (Tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế giữa 3 dòng sông Aigiaoadi - Chao Phaya - Mê Công), ASEM (Hội nghị Á - Âu). Đặc biệt, tháng 11/2004 Lào đã có những đóng góp quan trọng vào thành công của Hội nghị cấp cao ASEAN X tổ chức tại thủ đô Viên Chăn với việc thông qua chương trình hành động Viên Chăn (VAP) và Hiệp định khung ASEAN về 11 lĩnh vực ưu tiên cho hội nhập nhằm kiến tạo Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) như một khu vực tự do thương mại vào năm 2020. Hiện nay Lào đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 107

nước và có quan hệ thương mại với 40 nước.

*

Ba mươi năm chỉ là một thời gian rất ngắn so với lịch sử phát triển của một dân tộc, nhưng những thành tựu mà nhân dân các bộ tộc Lào đã giành được thật là to lớn, toàn diện và có ý nghĩa sâu sắc. Đây cũng là những bài học kinh nghiệm quý báu, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp củng cố, xây dựng và phát triển đất nước theo con đường mà nhân dân các bộ tộc Lào đã lựa chọn.

CHÚ THÍCH

1. Theo tạp chí *Economist*, ngày 21-2-1970.
2. Xem: The World Bank, *Lao PDR Economic Monitor*, The World Bank Vientiane Office, October 2003, tr.1.
3. Báo *Paxaxôn*, chủ nhật, ngày 8-8-2002.
4. Nguồn: Ủy ban Kế hoạch và Hợp tác Lào, 6-2000.
5. Xem: Phonkeo & Thonglor, The year 2003 in review, *Vientiane Times*, December 30 - January 4, 2004, tr. 11.
6. Xem: The World Bank, *Lao PDR Economic Monitor*, đã dẫn, tr.12.